

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **78/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 28/11/2019
“V/v Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Mỹ Huệ

* ***Các Hội thẩm nhân dân:*** - Ông Hồ Thị Hoa
- Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Cao Vũ Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Ý- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2019/TLST- HNGĐ ngày 03/9/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số:125/2019/ST-HNGĐ ngày 22/11/2019 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962 (*có mặt*)

* ***Bị đơn:*** Ông **Châu Văn S**, sinh năm 1963 (*vắng mặt*)

Cùng cư trú: ấp Mương Đào, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, bổ sung ngày 13/8/2019 bà Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu như sau:***

Bà H và ông Châu Văn S chung sống với nhau năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống tuy cuộc sống khó khăn nhưng vợ chồng cố gắng vượt qua để nuôi dạy các con. Nhưng thời gian kéo dài ông S không thay đổi mà thường xuyên uống rượu, ông S kiêu chuyệ, đánh đập bà H, không cho bà H ở nhà nhưng bà H đều bỏ qua để duy trì hôn nhân cho con cái đỡ mặt cảm với bà con

làng xóm, thời gian dài ông S vẫn tính nào tật ấy, nên bà H không còn chịu đựng được vì tuổi đã lớn, có xui gia mà ông S không sửa đổi tính tình cứ mỗi lần uống rượu về thì dùng lời nói xúc phạm đến danh dự bà H nên bà bỏ nhà ra đi về nhà mẹ ruột bà H ở nhờ, đi làm thuê dành dụm tiền để nuôi thân, bà H nghĩ là yên phận nhưng ông S tiếp tục đi đến nơi bà H ở nhờ hành hạ bà H nên bà H xác định không thể tiếp tục sống với ông S được, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Văn S.

- *Về con*: Bà H xác định bà và ông S có 03 người con chung tên Châu Văn Ril, sinh năm 1985; Châu Thị Bé Til, sinh năm 1986; Châu Văn Na, sinh năm 1990, hiện 03 đứa con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Châu Văn S đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, hết thời gian quy định ông S không ý kiến, Tòa án tiếp tục thông báo về mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cả hai lần ông không đến, nên Tòa ra quyết định xét xử vụ án.

* *Tại phiên tòa*;

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

- *Kiểm sát viên phát biểu*:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự, bị đơn ông S chưa thực hiện nghiêm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình từ khi thụ lý vụ án cho đến giai đoạn xét xét.

+ *Ý kiến về giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà H và ông S tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 1983 sống với nhau đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, ông S thường xuyên uống rượu về dùng lời lẽ xúc phạm bà H, nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông S, xét thấy việc chung sống với nhau như vợ chồng của bà H và ông S năm 1983 đến nay không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền và

nghĩa vợ và chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông S; về con bà H và ông S có 03 người con chung, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu, đề nghị không xem xét, về tài sản và nợ chung, các bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu xin được ly hôn với Châu Văn S. Khi khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết bị đơn ông S, cư trú tại ấp Mươn Đào, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là tranh chấp dân sự về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng là vụ án thuộc thẩm quyền của cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo cho ông S biết về việc bà H xin ly hôn đối với ông S và ông đã nhận nhưng không ý kiến gì, Tòa án tiếp tục tổ chức mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cả hai lần ông S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến lần thứ hai ông S vắng mặt không lý do mặc dù đã được tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, tại phiên tòa bà H không yêu cầu hoãn phiên tòa nên tiếp tục xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Bà H, ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống bà H và ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn, xác thấy hôn nhân giữa bà H và ông S xác lập từ năm 1983 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông S thấy rằng: Theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa bà H và ông S đã có nhiều bất đồng xảy ra, nên bà H

xác định vợ chồng đã ly thân nhau cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm gì với nhau, ông S thường xuyên chửi mắng, xô đẩy, dùng nhiều lời xúc phạm đến bà H nên bà H khởi kiện xin ly hôn với ông S; HĐXX xét thấy bà hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn S, sống với nhau như vợ chồng năm 1983 cho đến nay không đăng ký kết. Nay bà H có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý căn cứ tại điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết, theo quy định Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 ghi “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” Khoản 2 Điều 53 ghi “ *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật này...*” vì vậy chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn S là vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con: Trong thời kỳ hôn nhân; bà H và ông S có 03 người con chung; Châu Văn Ril, sinh năm 1985, Châu Thị Bé Til, sinh năm 1986; Châu Văn Na, sinh năm 1990, hiện 03 đứa con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[6]. Về tài sản và nợ chung; bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 14, Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn S.

2.Về con chung: Bà H xác định bà và ông S có 03 người con chung; Châu Văn Ril, sinh năm 1985, Châu Thị Bé Til, sinh năm 1986; Châu Văn Na, sinh năm 1990, hiện 03 đứa con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007403 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà Hiền đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HSVA,VP;

Lê Mỹ Huê